| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**<br>**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Võ Văn Dũng;

2.Ông Nguyễn Đắc Liệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 12-4-2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1972, nơi cư trú: 553 khu HH, ấp TS, xã TĐ, huyện LH, tỉnh VL; (có mặt).

*2.Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967, nơi cư trú: 86/8/10 HHT, p 2, thành phố VT, tỉnh BR –VT; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C trình bày:**

Bà C và ông Nguyễn Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, ngày 17 tháng 01 năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Bà C đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình, cho ông T cơ hội sửa đổi nhưng ông T không thay đổi. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn. Bà C về tỉnh Vĩnh Long sống với cha mẹ bà;

ông T về sống với mẹ ông T ở thành phố Vũng Tàu. Ông T, bà C đã không sống chung với nhau hơn 05 năm nay. Vì vậy, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1995 đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:**

- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính);

- Giấy khai sinh của Nguyễn Phương Thảo (bản sao);

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà C (bản sao);

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T theo đúng quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Hồng C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Thanh T có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng C và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 17 tháng 01 năm 2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà C trình bày: Sau khi kết hôn, bà C, ông T chung sống hạnh phúc, chỉ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau khoảng 5 năm nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn. Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi ông T sinh sống và lời trình bày của cháu Nguyễn Phương Thảo là con ông T, bà C cho biết: ông T và bà C không còn chung sống với nhau và cũng không qua lại chăm sóc cho nhau, điều này phù hợp với lời khai của bà C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông T tới Tòa án làm việc nhưng ông T không hợp tác cho thấy ông T không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà C và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, vợ chồng bà C, ông T đã không chung sống cùng nhau từ khoảng năm 2012 cho đến nay, bà C và ông T không còn liên lạc với nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà C là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng C và ông Nguyễn Thanh T có 01 con chung là Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1995, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị Hồng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0010287 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bà Phạm Thị Hồng C đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Hồng C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND phường 2, TP.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trà My**